TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 12- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Bà Hoàng Thị Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B*** *tham gia phiên tòa:* Bà Ôn Thị Lệ Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị H; Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 12, tổ 10, phường N, thành phố Đ, tỉnh B.

2. *Bị đơn*: Anh Lê Viết N; Địa chỉ: Tổ 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T.

3. Người làm chứng: Cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014; Cùng có địa chỉ: Số nhà 12, tổ 10, pH N, thành phố Đ, tỉnh B.

Tại phiên toà có mặt chị H, cháu Hoàng A, cháu Bảo A, vắng mặt anh N (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn chị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh N lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Xương, huyện B, tỉnh B vào ngày 11/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hoà hợp, quan điểm sống bất đồng, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, trong thời gian chung sống cùng nhau, anh N làm ăn không tu chí, tH xuyên uống rượu rồi về đánh chị, hai vợ chồng mặc dù vẫn sống chung nhà, nhưng đã ly thân nhau từ lâu, từ tháng 9/2024 anh N đã chuyển toàn bộ đồ dùng cá nhân về quê sinh sống tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T, trong thời gian về quê sinh sống hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, anh N tH xuyên gọi điện cho các con chị có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chỉ có hai vợ chồng biết, chính quyền địa phương chưa bao giờ phải can thiệp vào mâu thuẫn của vợ chồng chị. Tại phiên toà chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chị H có hai con chung là cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014, hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị, để bảo đảm cho cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có công việc ổn định và có thu nhập từ lương hơn 12 triệu đồng/01 tháng, thời gian làm việc theo giờ hành chính, nên chị có điều kiện chăm sóc được cả hai con chung, hơn nữa các cháu cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với chị.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai đề ngày 18/11/2024 anh N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh nhất trí với ý kiến của chị H về thời gian, địa điểm kết hôn, anh và chị H lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, vợ chồng sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến khoảng năm 2019 do dịch bệnh Covid dẫn đến công việc kinh doanh của anh N gặp nhiều khó khăn, sau khi anh N mua nhà vẫn đang còn nợ ngân hàng, tiền chưa trả hết, cùng thời điểm thì chị H cũng đi học nhiều lớp dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng sa sút, bản thân chị H không cố gắng vun vén và cùng anh gánh vác kinh tế mà tH xuyên đi chơi với bạn không quan tâm đến anh và gia đình dẫn đến các khoản nợ mua nhà, kinh doanh cùng với vay thêm cho chị H đi học ngày càng tăng. Anh đã bàn bạc với chị H nhiều lần tìm giải pháp bán nhà để trả nợ, nhưng chị H không nghe, dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Bản thân anh N thương hai con và cũng muốn chị H nhìn nhận về mọi việc anh đã tận tuỵ với gia đình trong các năm vợ chồng sống chung. Anh mong muốn Toà án hoà giải cho anh và chị H quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014, do anh không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Tại phiên toà cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014 cùng có ý kiến:

Trong thời gian anh N, chị H sống chung cùng nhau, mỗi khi anh N uống rượu về, đều chửi bới và đánh chị H, từ tháng 9/2024 anh N đã chuyển về T sinh sống, trong thời gian đó anh N đã gọi điện và nhắn tin cho các cháu, trong đó có những lời lẽ xúc phạm chị H và gia đình chị H. Hai cháu hiện đang ở cùng với chị H và đều có mong muốn được sống cùng chị H và anh em được sống cùng nhau.

4. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 15/10/2024, tổ trưởng tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ xác nhận:

Chị H và anh N có đăng ký kết hôn và có cư trú tại số nhà 95, tổ dân phố 01, pH N, thành phố Đ. Anh N đi lại thất thường, thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Trong thời gian vợ chồng anh N, chị H sinh sống đến tháng 9/2024, chính quyền địa phương chưa bao giờ phải can thiệp hay chứng kiến các mâu thuẫn của vợ chồng anh N, chị H. Từ tháng 10/2024 gia đình anh N, chị H đã bán nhà chuyển đi đâu chính quyền địa phương không nắm được.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tài liệu chứng cứ trong vụ án đã được thu thập đúng, nhưng chưa đủ theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của BLTTDS, đối với bị đơn: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, không tuân thủ theo quy đinh tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật TTDS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà, để xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu xác minh thu thập tài liệu chứng cứ số 02/YC-VKS-DS ngày 12/12/2024 về việc: Lấy lời khai của anh N, chị H để làm rõ nguyên nhất phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và có việc ông N chuyển về sinh sống tại T hay không? Xác minh điều kiện về mặt vật chất và tinh thần trong việc chăm sóc giáo dục con chung không? nhưng Hội đồng xét xử không tạm ngừng phiên toà, nên đại diện Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã thực hiện việc thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và triệu tập tham gia phiên tòa, hợp lệ nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh N tại thời điểm Toà án thụ lý vụ án cư trú tại pH N, thành phố Đ, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng cho anh N, đã tiến hành triệu tập tham gia xét xử vụ án hai lần, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị H và anh N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND Thanh Xương, huyện B, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng tH xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, chị H và anh N hiện đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, chị tha thiết đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Anh N không đồng ý ly hôn, anh mong muốn được Toà án hoà giải để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng anh lại vắng mặt tại buổi hoà giải và tại các phiên toà, như vậy có thể thấy anh N đã từ bỏ quyền của mình và không có ý định hoà giải, hiện anh N đã về sinh sống tại thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T, trong thời gian sống xa nhau, hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh N thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng, anh N do không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H hiện đang làm Bác sỹ, có thu nhập ổn định từ lương, với mức thu nhập hơn 12 triệu đồng/ 01 tháng, công việc của chị làm theo giờ hành chính, 01 tuần được nghỉ 02 ngày, tại phiên toà cháu Hoàng Anh và cháu Bảo An đều có nguyện vọng để hai anh em được ở cùng nhau, và đều có mong muốn được ở cùng với chị H. Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, nên anh cũng không trình bày nguyện vọng cũng như điều kiện sống của anh để Toà án xem xét. Tuy nhiên, khi giải quyết ly hôn, đối với con chưa thành niên, Toà án bắt buộc phải giải quyết về con chung của vợ chồng. Xét thấy, chị H là người có đủ điều kiện chăm sóc cả hai con chung, nên cần giao cả hai cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đối với yêu cầu Hội đồng xét xử ngừng phiên toà để thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh thêm về tình trạng mâu thuẫn của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh N, nhưng anh N không có mặt tại địa phương, nên đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng cho anh N tại phường N, sau khi chị H cung cấp địa chỉ mới của anh N tại T, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N tại T, anh N đã nhận được thông báo của Toà án, ngày 22/11/2024 Toà án đã nhận được bản tự khai của anh N gửi từ T lên, tại phiên toà chị H, cháu Hoàng A, cháu Bảo A đều khẳng định anh N hiện đang sinh sống tại T, trong bản tự khai anh N mong muốn Toà án hoà giải cho anh N và chị H quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành, nhưng khi nhận được giấy triệu tập tham gia phiên toà, anh N đã không có mặt tham gia phiên toà để thực hiện việc mong muốn hoà giải của mình, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát cũng khẳng định anh N không chấp hành quy định của pháp luật là đã từ bỏ quyền của mình, đối với chị H trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành lấy lời khai và tại phiên toà chị H đã trình bày rõ các mâu thuẫn của vợ chồng, Toà án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi anh N, chị H sinh sống. Do vậy việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên toà để lấy lời khai của anh N, chị H để xác minh tình trạng mâu thuẫn và thời điểm anh N về sinh sống tại T là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Lê Viết N;

1. 2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Hoàng A - sinh ngày 25/5/2007 và cháu Lê Bảo A – sinh ngày 31/7/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5, Nghị quyết số 326/2016UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0001026 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273/BLTTDS, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/12/2024), anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh B;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Thanh Xương, H. B (Nơi ĐK kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Đào Thị Thúy Thành